

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị của cán bộ dân quân tự vệ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Dân quân tự vệ số 19/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2005/TTLT-BQP-BKHĐT-BTC-BLĐTB&XH ngày 20/4/2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Công văn số 190/CV-BCH ngày 16/5/2005, Công văn số 285/CV-BCH ngày 15/9/2005 và của Sở Tài chính tại Công văn số 1136/TC-HCSN ngày 07/10/2005;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ ở các xã, phường, thị trấn. Cụ thể như sau :

1/ Đối với lực lượng dân quân nông cốt :

Cán bộ, chiến sỹ dân quân nông cốt trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền được trợ cấp ngày công lao động mỗi ngày bằng 0,07 mức lương tối thiểu, nếu làm nhiệm vụ vào ban đêm từ 22 giờ đến 06 giờ sáng thì được hưởng trợ cấp ngày công lao động bằng 0,14 mức lương tối thiểu.

2/ Đối với lực lượng dân quân thường trực :

Lực lượng dân quân thường trực các xã biên giới và các xã, phường, thị trấn trọng điểm nội địa (có danh sách kèm theo), khi thực hiện nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ tại địa bàn được hưởng trợ cấp lao động mỗi ngày, đêm bằng 0,06 mức lương tối thiểu. Ngoài ra được hỗ trợ tiền ăn là 250.000 đồng/người/tháng (áp dụng theo Điều 5, Quyết định số 53/2005/QĐ-UB ngày 25/5/2005 của UBND tỉnh về cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn) và không được hưởng các chế độ quy định tại Khoản 1 Điều này.

3/ Các chế độ chính sách quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 chỉ áp dụng đối với cán bộ, chiến sỹ dân quân không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.

Điều 2 : Quy định phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị của cán bộ Dân quân tự vệ hàng quý bằng hệ số so với lương tối thiểu như sau :

- Tiểu đội trưởng và tương đương = 0,25.
- Trung đội trưởng; thôn, ấp đội trưởng và tương đương = 0,30.
- Trung đội trưởng dân quân cơ động = 0,45.
- Phó Đại đội trưởng và tương đương = 0,35.
- Đại đội trưởng và tương đương = 0,40.
- Phó tiểu đoàn trưởng và tương đương = 0,45.
- Tiểu đoàn trưởng và tương đương = 0,50.
- Xã, Phường Đội phó và Phó CHT Quân sự cơ quan, tổ chức = 0,55.
- Xã, Phường Đội trưởng - Chính trị viên Xã đội, CHT - Chính trị viên- Ban CHQS cơ quan, tổ chức = 0,60.

Điều 3: Công tác tổ chức, quản lý và chỉ huy thực hiện nhiệm vụ :

- Giao Ban Chỉ huy Quân sự các cấp trực tiếp phân công công tác thực hiện nhiệm vụ theo mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền.

- Giao Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự các xã biên giới và các xã, phường, thị trấn trọng điểm nội địa trực tiếp chỉ huy, quản lý, phân công lực lượng dân quân thường trực tại địa bàn 24/24 giờ theo quy chế hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.

- Việc quản lý và chỉ huy thực hiện nhiệm vụ theo mệnh lệnh của cấp có thẩm quyền đối với cán bộ, chiến sỹ dân quân nòng cốt ở các xã, phường, thị trấn và lực lượng dân quân thường trực các xã biên giới và các xã, phường, thị trấn trọng điểm nội địa làm cơ sở để Chủ tịch UBND huyện, thị xã, phường, thị trấn duyệt danh sách, quyết toán ngân sách trợ cấp ngày công lao động và hỗ trợ tiền ăn theo Quyết định này.

- Số lượng dân quân thường trực : Mỗi xã biên giới và các xã, phường, thị trấn trọng điểm nội địa bố trí 09 đồng chí. Riêng xã Lộc Hiệp, huyện Lộc

Ninh bố trí 07 đồng chí (danh sách các xã, phường, thị trấn trọng điểm trong tỉnh kèm theo).

Điều 4: Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ chính sách :

1/ Nguồn kinh phí chi trả chế độ chính sách cho các đối tượng quy định tại Quyết định này được quy định cụ thể như sau :

- Chi trả trợ cấp ngày công lao động cho lực lượng dân quân nông cốt trong thời gian làm nhiệm vụ **cấp nào điều động thì cấp đó đảm bảo**. Riêng trợ cấp ngày công lao động và hỗ trợ tiền ăn cho lực lượng dân quân thường trực các xã biên giới và các xã, phường, thị trấn trọng điểm nội địa trong những ngày trực 24/24 giờ tại địa bàn **do ngân sách xã, phường, thị trấn đảm bảo**.

- Việc thanh, quyết toán thực hiện theo chế độ kế toán và phân cấp quản lý hiện hành.

2/ Phụ cấp trách nhiệm được trả một lần vào tháng cuối quý do UBND xã, phường, thị trấn; cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế; tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị tự vệ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được tính vào chi phí quản lý sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 5 : Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

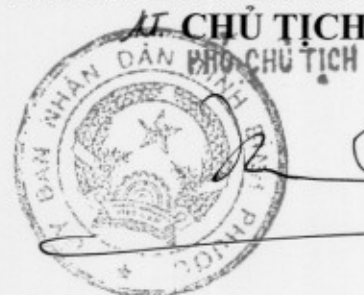
Quyết định này thay thế cho Quyết định số 479/QĐ-UB ngày 09/3/2005 của UBND tỉnh quy định một số chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- BTLQK7 (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- CA tỉnh (Phòng QLXNK);
- LĐVP, CV: KT, NC, VX;
- Lưu VT, D06.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

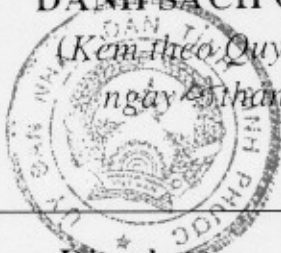


Nguyễn Văn Ch�a

DANH SÁCH CÁC XÃ BIÊN GIỚI CỦA TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 130 /2005/QĐ-UBND

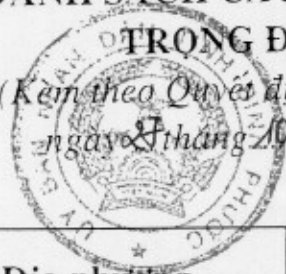
ngày 05 tháng 10 năm 2005 của UBND tỉnh)



TT	Địa phương	Huyện	Ghi chú
01	Hưng Phước	Bù Đốp	
02	Thiên Hưng	Bù Đốp	
03	Thanh hòa	Bù Đốp	
04	Tân Tiến	Bù Đốp	
05	Tân Thành	Bù Đốp	
06	Phước Thiện	Bù Đốp	
07	Lộc An	Lộc Ninh	
08	Lộc Hòa	Lộc Ninh	
09	Lộc Tấn	Lộc Ninh	
10	Lộc Thiện	Lộc Ninh	
11	Lộc Thành	Lộc Ninh	
12	Lộc Thạnh	Lộc Ninh	
13	Lộc Thịnh	Lộc Ninh	
14	Đặc Ổ	Phước Long	
15	Bù Gia Mập	Phước Long	

**DANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
TRONG ĐIỂM TRONG TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 130 /2005/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 10 năm 2005 của UBND tỉnh)



TT	Địa phương	Huyện	Ghi chú
01	Thị trấn Lộc Ninh	Lộc Ninh	
02	Xã Lộc Điền	Lộc Ninh	
03	Xã Lộc Quang	Lộc Ninh	
04	Xã Lộc Thái	Lộc Ninh	
05	Xã Lộc Hiệp	Lộc Ninh	
06	Thị trấn Tân Phú	Đồng Phú	
07	Xã Đồng Tiến	Đồng Phú	
08	Xã Tân Tiến	Đồng Phú	
09	Thị trấn Thác Mơ	Phước Long	
10	Thị trấn Phước Bình	Phước Long	
11	Xã Bù Nho	Phước Long	
12	Xã Phú Riêng	Phước Long	
13	Xã Long Tân	Phước Long	
14	Thị trấn Đức Phong	Bù Đăng	
15	Xã Đăk Nhau	Bù Đăng	
16	Thị trấn An Lộc	Bình Long	
17	Xã An Phú	Bình Long	
18	Xã Thanh Lương	Bình Long	
19	Xã Thanh An	Bình Long	
20	Xã Tân Khai	Bình Long	
21	Xã Tân Hưng	Bình Long	
22	Xã An Khương	Bình Long	
23	Xã Minh Đức	Bình Long	
24	Phường Tân Phú	Đồng Xoài	
25	Thị trấn Chợ Thành	Chợ Thành	
26	Xã Nha Bích	Chợ Thành	